SỞ KH&CN TỈNH GIA LAI **TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63 /QĐ-TTCĐS	*Gia Lai, ngày 6 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Công khai Quyết toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông báo số: 29c/TB-SKHCN ngày 31/3/2026 của Sở Khoa học Công nghệ về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp và Tư vấn dịch vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Công khai Quyết toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2025 của Trung tâm Chuyển đổi số *(Kèm theo biểu mẫu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổng hợp và Tư vấn dịch vụ, Trưởng các phòng chuyên môn và viên chức, người lao động của Trung tâm Chuyển đổi số chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (b/c);
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Phòng QLKTDL (đăng Web);
- Lưu VT, THTVDV.

GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đinh Hùng Tuấn

Đơn vị: Trung tâm Chuyển đổi số
Chương: 417

Mẫu biểu số 76

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6
A	**Quyết toán chi ngân sách Nhà nước**	**14.428,7**	**14.428,7**		
1	**Nguồn ngân sách trong nước**	**14.428,7**	**14.428,7**		
1.1	**Chi sự nghiệp VHTT**	**3.962,9**	**3.962,9**		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	*1.968,2*	*1.968,2*		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	*1.994,7*	*1.994,7*		
1.2	**Chi sự nghiệp KHCN**	**2.372,5**	**2.372,5**		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	*1.165,5*	*1.165,5*		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	*1.207,0*	*1.207,0*		
1.3	**Chi sự nghiệp Kinh tế**	**4.261,1**	**4.261,1**		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	*724,2*	*724,2*		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	*3.536,9*	*3.536,9*		
1.4	**Chi hành chính Nhà nước**	**3.828,6**	**3.828,6**		
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	*3.828,6*	*3.828,6*		
1.5	**Khác ngân sách**	**3,6**	**3,6**		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	*3,6*	*3,6*		